

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 22

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Tôi vừa mới xem một tờ truyền đơn, nghe nói tờ truyền đơn này đã lưu hành trên Internet khá lâu! Tôi đọc một đoạn cho mọi người nghe nhé: *“[Tờ truyền đơn này] đến từ lão pháp sư Tịnh Không. Sau khi tai nạn bộc phát tại Tứ Xuyên, Miến Điện, gần đây tai nạn lại bộc phát càng nghiêm trọng hơn. Cả thế giới bị ôn dịch, có thể hơn trăm vạn người bị chết, so với tai nạn tại Tứ Xuyên và Miến Điện trong thời gần đây càng đáng sợ hơn. Hiện thời đã có mấy quốc gia như Đại Hàn, Ấn Độ đã bắt đầu [xảy ra tai nạn]”*. Tôi chẳng biết chuyện này, mà cũng chẳng biết ai đã viết [như vậy], chuyện này tôi không hiểu. Đoạn tiếp theo viết: *“Pháp sư Tịnh Không kêu gọi các đồng tu trên thế giới bắt đầu từ tám giờ rưỡi mỗi tối, niệm tụng thánh hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát một ngàn câu suốt một tuần để hồi hướng cho chúng sanh trên cả thế giới tiêu tai miễn nạn, lìa khổ được vui, quốc thái dân an, mưa hòa, gió thuận. Xin quý vị sau khi nhận được tin tức này bèn báo cho càng nhiều nhân sĩ thiện tâm biết, công đức vô lượng”*. Câu sau cùng là do người viết truyền đơn thêm vào. Tôi kêu gọi đồng học Tịnh Tông trên toàn cầu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát hồng hiệu tiêu tai miễn nạn cho thế giới, tôi đã nói điều này, đoạn ấy tôi đã nói, nhưng câu trước và câu cuối cùng, tôi chẳng biết đến. Những gì tôi nói đã được đài truyền hình vệ tinh Hoa Tạng phát sóng. Mặt sau tờ truyền đơn có toa thuốc của Quán Thế Âm Bồ Tát, đối với toa thuốc ấy, tôi không biết Trung Y, có thể nhờ các thầy thuốc Bắc xét coi có hiệu quả hay không? Chuyện này thậm trọng một chút sẽ tốt hơn. Tai nạn rất nhiều, nhất là trong thời gian gần đây nhất, hình như hôm nay tại Đài Loan lại bị động đất, còn có núi lở. Nhiều năm qua, tôi thường khuyên lơn các đồng tu phải nghiêm túc học mười sáu chữ: *“Phóng hạ tự tư tự lợi, phóng hạ danh văn, lợi dưỡng, phóng hạ đối ngữ dục lục trần hưởng thụ, phóng hạ tham, sân, si, mạn”* (Buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống). Tâm thái của chúng ta đốn chánh sẽ khiến cho thân tâm khỏe mạnh, mang lại hạnh phúc cho gia đình, mang lại thuận lợi trong sự nghiệp, mang lại an định hòa bình cho xã hội, đưa đến sự đối xử hòa thuận trên thế giới, tôi thường nói những điều này. Tai nạn chẳng đáng sợ, chúng ta đốn chánh tâm hạnh sẽ có thể hóa giải tai nạn, trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: *“Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”*. Trong giáo pháp Đại Thừa nói rất nhiều, đối với những lý luận ấy, chúng ta có mức độ khá hiểu biết. Do vậy, chúng ta công nhận hai câu nói ấy của đức Phật, chỉ cần sửa đổi tâm thái của chúng ta cho đúng, sẽ có thể hóa giải tai nạn. Vì thế,

rất nhiều thứ được lưu truyền mượn danh nghĩa của tôi, tôi chẳng biết rõ lắm! Trong quá khứ, cục trưởng cục Tôn Giáo Quốc Gia là ông Diệp đã từng cho tôi biết. Ông ta đến Hương Cảng phỏng vấn. Trong thời gian phỏng vấn, có một hôm mời tôi dùng bữa sáng tại khách sạn, ông ta bảo: “Trong nước có những kẻ giả mạo danh nghĩa pháp sư để làm những chuyện bất thiện, pháp sư có biết những chuyện đó hay không?” Tôi nói tôi thật sự không biết. Ông ta bảo: “Chuyện này sẽ do quốc gia xử lý”. Tôi nói tôi rất cảm ơn. Do vậy, ở đây, tôi nói kèm thêm chuyện này cùng mọi người. Tờ truyền đơn này không có khuyết điểm gì to lớn, toàn là khuyến thiện, nhưng lời khuyến thiện và toa thuốc của Quán Âm Bồ Tát chúng tôi chẳng biết tới, toa thuốc Quán Âm Bồ Tát do đâu mà có? Tôi hoàn toàn không biết. Quý vị liễu giải là được rồi, cảm ơn mọi người.

Nay chúng ta bắt đầu xem kinh, xin coi Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang hai mươi, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, coi từ giữa câu: *“Tích Công Lữ Đức phẩm vân: Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”* (Phẩm Tích Công Lữ Đức có nói: “Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước màu nhiệm”). Câu đầu tiên này hết sức trọng yếu! Quý vị thấy chư Phật Như Lai chỉ dạy chúng ta trí huệ chân thật, điều này quan trọng lắm! Trí huệ chân thật ở đâu? Trí huệ chân thật chẳng ở bên ngoài, mà sẵn có trong tự tánh của chúng ta, lại còn viên mãn, hết thấy chúng sanh đều có. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rõ ràng: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Trong quá khứ, đối với câu nói này, trình độ hiểu biết của chúng tôi như sau: Nói *“hết thấy chúng sanh”* thì đại khái là người, tối đa là động vật, chúng tôi hiểu như vậy. Hiện thời, chúng tôi hiểu sâu đậm hơn, vì “chúng sanh” được nói trong Phật giáo vốn có nghĩa là “các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi” thì gọi là “chúng sanh”. Định nghĩa này bao gồm tất cả các hiện tượng, có hiện tượng nào chẳng do các duyên hòa hợp? Kinh thường nói động vật là Tứ Đại, Ngũ Uẩn, đó là các duyên hòa hợp. Nay chúng ta đã biết: Thực vật cũng do các duyên hòa hợp, bộ phận vật chất của thực vật là Sắc pháp, hiện thời thực vật cũng có Thọ, Tướng, Hành, Thức.

Mười năm gần đây, chúng tôi ở Úc. Tại Úc, chúng tôi có một vườn rau rất lớn, trong vườn rau trồng rất nhiều loại rau, đại khái có từ mười mấy tới hai mươi loại, do chính chúng tôi chăm bón. Chúng tôi chăm bón những thứ rau ấy, còn có cây ăn quả, trong bốn năm qua, chúng tôi còn trồng trúc, cho nên năm nay, thu được hoạch măng trúc rất ngon, chúng tôi cũng chẳng thiếu thức ăn. Chúng tôi chuyện trò với những loài thực vật ấy, nhận thấy chúng nó có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Chuyện trò rất tốt đẹp, hỗ trợ hợp tác. Đối với khoáng vật, chúng ta chẳng có cách nào thí nghiệm! Tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước, phát hiện nước có “kiến, vãn, giác, tri”, nó có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Mấy bữa gần đây, tôi đã xem một đĩa DVD [do một đồng tu] hạ tải (download) từ Internet, đặc biệt đưa cho tôi xem. Khoa học gia Mỹ đã phát hiện nước có ký ức, ký ức là thức. Nói cách khác, khoáng vật có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Phạm vi ấy to lắm! Đức Phật nói “thân Ngũ

Uẩn” bao gồm tất cả các hiện tượng trong trọn khắp pháp giới hư không giới, bất luận hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất. Tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời, trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị điều này. Trong vật chất có Thọ, Tướng, Hành, Thức; Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần, trên phương diện tinh thần có Vô Biểu Sắc, nó chẳng phải là không có sắc. Chúng ta nằm mộng, trong mộng có sắc; chúng ta tưởng tượng, trong tưởng tượng có sắc pháp. Do vậy, nói thật ra, Vô Sắc Giới Thiên vẫn có sắc, sắc của họ là Vô Biểu Sắc, người bình thường chúng ta chẳng thấy, nhưng Phật, Bồ Tát có thể trông thấy, A La Hán có thể trông thấy, những người có công phu đều có thể trông thấy. Do vậy, “*trụ Chân Thật Huệ*” có ý nghĩa rất rộng. Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, một hạt bụi, một giọt nước, hoặc như kinh nói một sợi lông, một vi trần, đều trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Chúng ta hiểu như vậy thì mới là chân thật nghĩa của Như Lai, chẳng giới hạn trong động vật, động vật có phạm vi quá nhỏ.

“*Trụ*” (住) là an trụ. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, tự hành, hóa tha; tự hành là trong cuộc sống hằng ngày của chính chúng ta, hóa tha là ảnh hưởng hết thấy chúng sanh chung quanh; đó là Trụ, toàn là trí huệ chân thật. Đương nhiên người bình phàm chúng ta chẳng làm được câu này, vì sao? Chúng ta mê tự tánh, tức là mê Chân Thật Huệ. Thật ra, Chân Thật Huệ vẫn khởi tác dụng, khi mê bèn khởi tác dụng gì? Khởi phiền não. Do vậy, phải hiểu, kinh dạy “*phiền não tức Bồ Đề*”, phiền não và Bồ Đề là cùng một chuyện. Hễ giác ngộ, phiền não liền biến thành trí huệ; mê thì trí huệ biến thành phiền não. Quý vị thấy: Do chúng ta mê hay ngộ bèn có thể biến hóa những thứ được sanh bởi tự tánh! Giác ngộ sẽ sanh ra thứ tốt nhất, trí huệ viên mãn. Nếu mê thì trí huệ biến thành vô lượng vô biên phiền não. Do vậy có thể biết: Phật, Bồ Tát trụ Chân Thật Huệ, hiện thân thuyết pháp dạy bảo chúng ta, chúng ta và các Ngài có cùng một tự tánh, chẳng hai, chẳng khác. Các Ngài trụ Chân Thật Huệ như thế nào? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trí huệ chân thật bèn hiện tiền. So với các Ngài, chúng ta khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước, những thứ này được gọi là “*phiền não*”. Trong pháp Đại Thừa, khởi tâm động niệm gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. “*Kiến*” là kiến giải, “*Tư*” là tư tưởng. [Kiến Tư phiền não] là trong kiến giải và tư tưởng của quý vị có kèm theo các phiền não. Phiền não vô lượng vô biên, nhằm nói cho thuận tiện, đức Phật đã chia phiền não thành ba loại lớn. Buông những thứ ấy xuống, trí huệ bèn hiện tiền. Quý vị thấy: Buông phiền não xuống, phiền não bèn khôi phục nguyên trạng, nguyên trạng (tình trạng vốn có) của nó là trí huệ. Phiền não là gì? Phiền não là tình trạng [trí huệ đang] bị bệnh (ý nói: Bị biến chất, bị ô nhiễm bởi phân biệt, vọng tưởng). Chúng ta khởi lên ý niệm, trật rồi! Trong tự tánh chẳng có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước; do vậy, những tướng được hiện lộ đúng mực [của tự tánh] sẽ là trí huệ, đức năng, tướng hảo, đó là bình thường. Trong kinh giáo, đức Phật nói tới Nhất Chân pháp giới, hoặc cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, đó là bình thường. Mười pháp giới

thì sao? Không bình thường. Mười pháp giới từ Phật cho đến địa ngục, mỗi tầng sau nghiêm trọng hơn tầng trước, nghiêm trọng nhất không chỉ hơn địa ngục, tầng này nghiêm trọng nhất, mê sâu nhất. Trong địa ngục, cũng có rất nhiều chủng loại, cũng có [mê hoặc] sâu hay cạn khác nhau. Chỗ mê sâu nhất gọi là A Tỳ địa ngục, mê nặng nề! Do vậy, đức Phật hóa độ chúng sanh, nguyên tắc là gì? Giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ. Họ chẳng mê hoặc, sẽ giác ngộ, bệnh thái (tình trạng bệnh tật) hoàn toàn khôi phục bình thường, sẽ được an vui. Do vậy, đức Phật giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, hoàn toàn dùng giáo dục, chúng ta phải hiểu điều này.

Do vậy, chúng tôi thường nghĩ, mà cũng thường nhắc nhở mọi người: Tô tiên chúng ta, cổ thánh tiên hiền, thật sự đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Những gì họ dạy bảo chúng ta chẳng khác gì kinh Phật. Tô tiên dạy chúng ta: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (kiến thiết đất nước, cai trị dân chúng, giáo học làm đầu), giáo học! Quý vị chỉ cần thực hiện tốt giáo học, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, hãy thực hiện tốt việc giáo dục. Giáo dục là dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, đây là giáo dục phổ thông, cần phải được học tập phổ biến. Còn có một số ít người tiến cao hơn nữa, đó là giáo dục khoa học, giáo dục triết học, những điều ấy nhằm giúp đỡ quý vị nâng cao linh tánh, nhưng cũng đều xếp giáo dục vào vị trí bậc nhất. Phật pháp cũng giống như thế. Bậc đại thánh đại hiền vĩ đại nhất trong thế gian và xuất thế gian, nói theo Phật pháp, toàn là Phật, Bồ Tát; nói cách khác, đều là những người tiến hành công tác giáo dục. Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng có vị tham gia chính trường, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nắm quyền chính trị từ ngôi vua, nhưng cũng có vị chuyên môn tiến hành giáo dục như Khổng Tử, Mạnh Tử, cũng là suốt đời dạy học. Khổng Tử tuy chu du các nước, mong được một chức quan nhỏ nhoi để thực hiện hoài bão của Ngài, nhưng trong lúc chu du các nước, học trò theo Ngài, rất nhiều người chẳng rời thầy, mỗi ngày đều học tập, giống như Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, bất quá tăng đoàn của Khổng Tử chẳng có quy mô to như Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng đều là tiến hành công tác giáo dục. Khổng Tử chu du các nước, cảm thấy tuổi tác đã cao, tuy gặp rất nhiều chur hầu, chẳng ai muốn dùng Ngài, tới lúc ấy, mới bỏ cách nghĩ ấy, trở về nhà, chuyên môn tiến hành công tác giáo dục. Khi đó, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, mất năm bảy mươi ba tuổi, cho nên toàn bộ tinh thần chuyên chú vào dạy học chỉ là năm năm. Thích Ca Mâu Ni Phật toàn tâm toàn ý dạy học bốn mươi chín năm, trong các vị cổ thánh tiên hiền, thời gian dạy học dài nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật, đây là dũng mãnh tinh tấn.

Chúng ta cầu trí huệ, học Phật là học trí huệ, là đào bới, khơi lên trí huệ trong tự tánh, giống như khai quật kho báu từ trong hầm mỏ. “Khai quật” là buông xuống. Buông xuống những chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trí huệ sẽ bắt đầu hiện bày, bắt đầu trào ra ngoài, [tuy vậy, trí huệ ấy] chưa nhiều lắm, trong Phật pháp gọi là A La Hán. A La Hán đắc Chánh Giác, Chánh Giác là trí huệ. Tiếp tục buông xuống không ngừng. Tôi thưa với các đồng học, buông tự tự lợi xuống, buông tiếng

tâm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, sẽ đạt đến giai đoạn nào? Thừa quý vị, sẽ đạt tới cửa ngõ của Phật giáo, nhưng chưa tiến vào. Chư vị phải biết: Chớ nên tưởng rằng ta buông xuống nhiều ngàn ấy, bèn nghĩ chính mình ghê gớm lắm, mới đến ngoài cửa mà thôi, chưa vào cửa! Bước vào cửa, cần phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Do vậy, tôi nói tới phương tiện nhằm giúp đỡ quý vị tiến đến trước cửa, sau đấy, chính quý vị lại phải bước vào. Thật sự tiến vào cửa, sẽ là như trong kinh thường nói: Đối với Kiến Tư phiền não, phải đoạn sạch Kiến Hoặc, quý vị có rất nhiều cách nhìn sai trái phải bỏ đi. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật đã quy nạp thành năm loại. Loại thứ nhất là Thân Kiến, hãy buông xuống, biết thân chẳng phải là chính mình, thân là gì? Thân là cái mà ta có, chẳng phải là ta, phải xoay chuyển quan niệm sai lầm này. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái thuộc về ta, thân thể giống như quần áo, là cái ta vốn có, chẳng phải là ta. Do vậy, cái thân dùng vài chục năm đã trực trặc, lại thay một thân khác, giống như quần áo mặc dơ, quý vị rất vui vẻ cởi ra, đổi lấy một bộ mới. Sau khi đột phá cái ải này, quý vị sẽ chẳng sợ hãi sanh tử, thay một bộ quần áo mới mà thôi! Chẳng sợ hãi, thừa quý vị, y phục càng thay càng đẹp đẽ hơn, càng thay càng tốt hơn. Tham sống sợ chết thì càng thay càng tệ hơn! Phật có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta liễu giải chân tướng, thân chẳng phải là chính mình, chớ nên vì thân này khởi tham, sân, si, mạn; [nếu khởi lên] là trật rồi, nó chẳng phải là chính mình.

Thứ hai là phải buông bỏ đối lập, danh từ Phật giáo [gọi đối lập] là Biên Kiến, nhị biên (hai bên, tức có không, đúng sai, thiện ác v.v...), nay chúng ta nói là “*đối lập*”, mọi người dễ hiểu. Đối lập là căn nguyên của tất cả phiền não tội nghiệp, vì trong vũ trụ, trong Pháp Tánh chẳng có đối lập, tìm không ra đối lập! Hết thấy chúng sanh trong toàn thể vũ trụ và chính mình là nhất thể, nhất thể mà quý vị chia thành đối lập thì trật mất rồi! Chẳng thể phân chia. Vì thế, kinh Kim Cang vừa mở đầu liền dạy: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, bốn câu này nói rất hay, là tứ tướng, nó là một chỉnh thể (entirety), nhất thể! Làm sao quý vị có thể phân chia được? Đâu có đạo lý ấy! Do vậy, chúng ta phải học chẳng đối lập với hết thấy mọi người, họ đối lập với ta, nhưng ta và họ chẳng đối lập, vì sao? Họ mê, chưa giác ngộ. Nay ta đã hiểu rõ, giác ngộ; nếu ta đối lập với các vị, chẳng phải là lại mê hay sao? Do vậy, không có đối lập. Chẳng đối lập với người khác, chẳng đối lập với sự, mà cũng chẳng đối lập với hết thấy vạn vật, đối với núi, sông, đại địa cũng không đối lập, vì sao? Nhất thể, chúng là y báo của ta, đều do tự tánh biến hiện, giống như trong Hoàn Nguyên Quán đã giảng: Từ nhất thể khởi nhị dụng. Tuy khởi nhị dụng, nhưng nhị dụng vẫn là nhất thể, nhị mà bất nhị. Vì thế, Tánh và Tướng như nhau, Tánh và Tướng bất nhị, cách nhìn này là chính xác.

Điều buông xuống thứ ba là Thành Kiến. Thành Kiến là gì? Tự cho mình là đúng. Người Hoa thường nói: “Kẻ nào đó có thành kiến rất sâu”. Thành Kiến là gì? Thành Kiến là chấp trước. Thành Kiến có hai loại: Một là Thành Kiến nơi nhân, hai là Thành

Kiến nơi quả trong lục đạo. Chúng sanh trong lục đạo đều rất chấp trước, đây là loại chấp trước nghiêm trọng, tự cho mình là đúng, đây là sai lầm. Vì sao sai lầm? Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”; nếu đã hiểu hết thấy hiện tượng đều là hư vọng, mà cũng chẳng chân thật, sẽ chẳng có thành kiến. Không có thành kiến mới có thể tùy duyên, tùy hỷ công đức. “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Phật, Bồ Tát chẳng có thành kiến, còn hết thấy chúng sanh, quý vị nói như thế nào mới là tốt theo kiểu nào đi nữa, Phật cũng đều có thể tùy thuận, chẳng ép buộc quý vị một tí nào! Quý vị làm lành, sanh lên thiên đường; quý vị tạo ác bèn đọa địa ngục, Phật biết rất rõ ràng, nhưng Phật chẳng ngăn trở quý vị, vì sao? Quý vị thích làm như vậy thì còn cách nào nữa? Tới khi nào quý vị thật sự giác ngộ, hướng về Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ dạy quý vị. Quý vị chẳng hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài chẳng dạy quý vị, vì sao? Dạy thì quý vị chẳng chịu tiếp nhận, tạo tội nghiệp. Đó là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật hiển thị, đó là đức năng chân thật, tướng hảo chân thật sẽ tự nhiên hiển thị.

“*Dững mãnh tinh tấn*”, đoạn kinh văn này nhằm miêu tả A Di Đà Phật khi đang tu nhân, chúng ta phải học tập, học theo A Di Đà Phật. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm có phải là trí huệ hay chẳng? Là trí huệ hay là tình thức? Tình thức là phiền não, “tinh” là Mạt Na thức, “thức” là A Lại Da. Trong kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, tinh là gì? Tinh là Ngã Kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn, đây là tình. Trong kinh Đại Thừa thường nói là “tham, sân, si, ngã”, “ngã” ở sau tham, sân, si, còn có “mạn”. Tham, sân, si mạn là bốn đại phiền não thường nương theo [A Lại Da], đó là “tình chấp” (chấp trước nơi tình thức). Do vậy, nếu chẳng dùng trí huệ, sẽ biến thành tình chấp, chắc chắn sẽ là như vậy. Dững mãnh tinh tấn, muốn tìm lại tự tánh, muốn tìm lại trí huệ. Một mực như vậy, quý vị nhìn theo một phương hướng, chuyên môn trang nghiêm cõi nước nhiệm màu, cõi nước nhiệm màu chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc do nguyên lực của A Di Đà Phật biến hiện, thật sự là hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng. Thế giới Cực Lạc từ tâm tướng của A Di Đà Phật mà xuất hiện. Chúng ta có tưởng ra một thế giới hay chẳng? Cũng tưởng ra, quả địa cầu là một thế giới do tâm tướng của chúng ta sanh ra. Nếu tâm chúng ta chẳng tưởng, sẽ chẳng có địa cầu, thật đấy, chẳng giả đâu!

Kế đó là lời giải thích, Hoàng lão cư sĩ giải thích: “*Chân thật chi tế giả*” (Chân Thật Tế là...), Chân Thật Tế là gì? “*Chân Như Thật Tướng chi bốn tế dã*” (căn cội của Chân Như Thật Tướng). Chân là Chân Như, Thật là Thật Tướng, Tế là bốn tế (cội rễ, giới hạn), cũng có nghĩa là Chân Như Thật Tướng, “*tế*” (際) là giới hạn, là “*biên tế*” (ranh giới), giới hạn ấy có hay chẳng? Chẳng có, không có ngăn mé! Không có gì to lớn có thể vượt ra ngoài được, trong giáo học của Phật, điều đó được gọi là Chân Thật Tế. “*Thử tức bốn kinh chi sở khai thị giả dã*” (đây chính là điều được khai thị trong bản kinh này). Đây là nói rõ bộ kinh này giảng điều gì? Giảng về Chân Thật Tế, giảng chân tướng này, không gì to lớn lọt ra ngoài, không gì nhỏ nhặt chẳng được bao gồm. Đây là

biên tế; chẳng ngoài, chẳng trong; đây là “*biên tế*”, nó không có biên tế. “*Cực Lạc diệu độ nãi chân thật trí huệ chi sở trang nghiêm thành tựu giả*” (cõi nước màu nhiệm Cực Lạc được trang nghiêm thành tựu bởi trí huệ chân thật). Câu này quan trọng lắm! Vì sao chúng ta phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? A Di Đà Phật mở một trường học tại đó. Thế giới Cực Lạc là một đại học Phật giáo, cũng có thể nói là một đại học về Chân Thật Tế. Chúng sanh trong mười pháp giới thuộc mười phương thế giới, mười phương thế giới đều có mười pháp giới, mười pháp giới là mê, chẳng giác, những chúng sanh ấy đã giác ngộ, mong quay đầu, nhưng tìm không ra phương pháp, nhất là chẳng tìm được một phương pháp rất thỏa đáng, rất nhanh chóng. A Di Đà Phật ban cho chúng ta một môn phương tiện, tiếp dẫn quý vị về thế giới Cực Lạc để tấn tu tại đó, hết thầy điều kiện tu học bên ấy đều vô cùng hoàn thiện, đây là “*trang nghiêm thành tựu*”. Trong phần trước, chúng ta thấy ba thứ thành tựu, “*trang nghiêm Phật thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát thành tựu, trang nghiêm diệu độ thành tựu*”, kinh gọi ba thứ thành tựu này là ba thứ thành tựu chân thật.

Chúng ta tập khí phiền não nặng nề, mê rất sâu, những điều đức Phật đã giảng trong kinh, chúng ta hiểu rõ, nhưng chưa thể làm được! Chúng ta có thể tin tưởng, vì sao có thể tin tưởng? Vì sau khi nghe những đạo lý ấy, chúng ta có thể khẳng định chúng hợp lý, chẳng phải là vô lý, nên có thể tin tưởng, có thể lý giải, nhưng chưa làm được. Làm chưa được do chưa bỏ xuống được! Thật đây, chẳng giả đâu! Buông xuống sẽ có thể khế nhập, bèn nhập cảnh giới, như tôi vừa mới nói: Đi tới cửa ngõ, nếu quý vị chẳng buông ba thứ ấy xuống, sẽ chẳng tiến vào được! Quý vị buông Thân Kiến xuống, buông Biên Kiến xuống, buông Thành Kiến xuống, mới có thể tiến vào. Quý vị chẳng buông xuống, sẽ không tiến vào được! Hễ tiến vào, thưa quý vị, sẽ gọi là thánh nhân, chẳng gọi là phàm phu; trong Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn, Sơ Quả; trong Đại Thừa thì như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín chúng đắc Sơ Tín, quý vị thấy tầng thứ nhất là Sơ Tín. Thập Tín giống như Tiểu Học trong Phật giáo, học lớp Một Tiểu Học, trường học này có mười lớp, từ lớp Một đến lớp Mười, quý vị vừa mới vào lớp Một, trở thành thánh nhân. Khác với phàm phu ở chỗ nào? Quý vị chỉ cần tiến nhập lớp Một của ngôi trường ấy, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo, bảo đảm chẳng đọa tam đồ. Không gian học tập của quý vị là bảy lần sanh trong cõi trời hay nhân gian, chắc chắn sẽ thoát ly lục đạo luân hồi, đạt được sự bảo đảm ấy, đó là Vị Bất Thoái trong ba thứ Bất Thoái, [tức là] địa vị của quý vị chẳng thoái chuyển. Nhà Phật nói ba thứ Bất Thoái, quý vị đạt được loại thứ nhất (Vị Bất Thoái). Loại thứ hai là Hạnh Bất Thoái, tức là Bồ Tát. Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái, đó là Pháp Thân đại sĩ, hoặc là Phật, chứ Bồ Tát vẫn chưa làm được. Do vậy, ba tầng lớp này chính là cảnh giới dần dần được nâng cao lên.

A Di Đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc nhằm giúp đỡ chúng ta là những kẻ thiếu năng lực đoạn phiền não, chỉ cần chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể vãng sanh. Đối với A Di Đà Phật, chỉ nên chú tâm niệm, chớ nên phân biệt. A Di Đà Phật có ý

nghĩa rất rộng, A là Vô, Di Đà là Lượng, đây là tiếng Phạn, chẳng phải là không thể dịch nghĩa, có thể dịch nghĩa, nhưng do tôn trọng nên chẳng dịch. [A Di Đà] là vô lượng. Phật thì sao? Phật là giác ngộ. [A Di Đà Phật là] vô lượng giác, vô lượng giác là gì? Là danh hiệu của trí huệ Bát Nhã có sẵn trong tự tánh. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, niệm Phật hiệu là niệm tự tánh, đó là “*tự tánh Di Đà*”. Mỗi ngày niệm tự tánh, tự tánh phóng quang, tự tánh bèn hiển lộ. Chẳng phải là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng ư? Đạo lý như thế đó! Do vậy, niệm Phật thấy Phật, lúc lâm chung, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn quý vị, đó là gì? Toàn là tự tánh biến, tự tánh Di Đà, tự tánh Quán Thế Âm, tự tánh Đại Thế Chí, ngay cả Tây Phương Tịnh Độ cũng là duy tâm Tịnh Độ, do Chân Như bản tánh của chính mình hiện ra. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nắm chắc niệm Phật vãng sanh; quý vị có tín tâm, chẳng còn hoài nghi nữa, lẽ nào chẳng thành tựu! Do vậy, Thiện Đạo đại sư nói pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người về*”, không ai chẳng thành tựu. Kẻ niệm Phật chẳng vãng sanh là ai vậy? [Thứ nhất là những kẻ] hoài nghi pháp môn này, thứ hai là những kẻ tu học pháp môn này nhưng tạp niệm quá nhiều. Xen tạp nên tâm chẳng thuần, sẽ chẳng thể tương ứng.

Chân Thật Huệ do đâu mà có? Do tâm thanh tịnh mà có. Khi quý vị xen tạp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh chẳng sanh trí huệ, chỉ sanh phiền não. Phiền não là vọng niệm. Vọng niệm ấy niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, vĩnh viễn chẳng ngừng, niệm này tiếp theo niệm kia, đó là phiền não tập khí, những thứ ấy rất nghiêm trọng. Trong tu học pháp môn, cũng là nói chuyển biến những phiền não tạp niệm ấy, khôi phục trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật gọi là Bồ Đề, khôi phục trí huệ chân thật thì phương pháp niệm Phật này tuyệt diệu! Trong tám vạn bốn ngàn phương pháp, phương pháp Niệm Phật này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, thẳng chóng nhất, cho nên chọn lựa pháp môn này là đại trí huệ! Có rất nhiều ông già bà cả chẳng có học thức gì, không biết chữ, quý vị dạy họ, họ bèn tin tưởng, chịu niệm, có phải là chân trí huệ hay chẳng? Đúng là chân trí huệ, chính họ vẫn chẳng biết [chính mình trọn đủ] thiện căn, phước đức, nhân duyên. Vì sao quý vị giảng cho kẻ khác nghe, kẻ ấy chẳng tin tưởng? Giảng cho phần tử tri thức cao cấp nghe, họ vẫn không tin, vì sao? Có lắm chướng ngại, Phiền Não Chướng nặng nề, Sở Tri Chướng nặng nề, hai thứ chướng ấy chướng ngại họ. Chướng gì vậy? Chướng trí huệ, chướng thiện căn, nhân duyên của người ấy. Do vậy, chớ nên coi thường những ông già bà cả, đừng coi thường họ. Vì sao họ có thể tiếp nhận? Đời trước họ đã huân tập, đời này vừa tiếp xúc, liền sanh tâm hoan hỷ, trong đời quá khứ, trong A Lại Da có chủng tử Phật pháp, có thiện căn Tịnh Tông, chẳng phải là không có đạo lý!

“*Di Đà Thế Tôn nhiếp thủ diệu độ, tuyên thủ diệu pháp giả, dục huệ dữ chúng sanh dĩ chân thật chi lợi dã*” (Di Đà Thế Tôn nhiếp cõi mâu nhiệm này, tuyên pháp mâu này, muốn ban cho chúng sanh mỗi lợi chân thật). A Di Đà Phật, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có vị này, Ngài ở nơi đó, tuyên dương pháp môn này. Pháp

môn này được nói trong bộ kinh Vô Lượng Thọ. Tuyên dương pháp môn này nhằm mục đích ban cho chúng sanh, “*huệ*” (惠) là bố thí, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích chân thật. Hoàng lão cư sĩ nói: “*Thử tam chân thật*” (ba điều chân thật này), tức là Chân Thật Tế, trụ Chân Thật Huệ, Chân Thật Lợi Ích, ba món chân thật này một chính là ba, ba tức là một. Trong Chân Thật Bồ Tề, nhất định có Chân Thật Huệ, nhất định có Chân Thật Lợi Ích; trong Chân Thật Lợi Ích, nhất định có Chân Thật Tế và Chân Thật Huệ, một mà ba, tuy ba nhưng một. “*Phương tiện cứu cánh, bất khả tư nghị*” (phương tiện rốt ráo, chẳng thể nghĩ bàn). Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là phương tiện môn, mà Tịnh Tông là môn phương tiện nhất trong các môn phương tiện, đúng là quá đơn giản, quá dễ dàng. Vì quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều người không tin, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết là bao nhiêu. Chúng ta chớ nên khinh dễ người khác, bản thân chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ cũng đã ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết bao nhiêu lần! Không có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ như vậy, dầu đời này gặp gỡ cũng chẳng thể tin tưởng; bởi thế, pháp môn này chẳng dễ dàng, gọi là phương pháp khó tin, chẳng giả.

“*Cực Lạc y chánh, Tịnh Độ pháp môn, cử Thế thị chân thật chi tế, cố vân bốn kinh dĩ Thật Tướng vi thể tánh dã*” (Trọn vẹn cái Thế của y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ là Chân Thật Tế, cho nên nói kinh này lấy Thật Tướng làm thể tánh). Tới cuối cùng, tổng kết bộ kinh này dùng Thật Tướng làm Thế, bộ kinh này nói về Thật Tướng của các pháp. Đối với y báo và chánh báo trong thế giới Cực Lạc, nói theo kinh thì chánh báo là A Di Đà Phật, y báo là hoàn cảnh cư trụ của A Di Đà Phật. Chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chánh báo là bản thân chúng ta, A Di Đà Phật là hoàn cảnh y báo của chúng ta. Sau khi quý vị tới thế giới Cực Lạc, mới thật sự dần dần buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Sau đấy mới biết A Di Đà Phật và chính mình là nhất thể, vũ trụ và chính mình là nhất thể, thế giới Cực Lạc và chính mình là nhất thể. Nếu trọn đủ trí huệ chân thật, chúng ta hãy nghĩ xem [thế giới] hiện tiền có phải là thế giới Cực Lạc hay chẳng? Đúng vậy, chẳng sai chút nào! Nhưng rất nhiều người chẳng hiểu điều này, vì sao? Tâm thái chẳng xoay chuyển! Quý vị khởi tâm động niệm hoàn toàn tương ứng với kinh thì sẽ có thể lãnh hội: Không nơi nào chẳng phải là thế giới Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta nằm trong thế giới Cực Lạc, vì sao? Chẳng có lớn hay nhỏ! Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, lẽ nào [thế giới hiện tiền] chẳng ở trong [thế giới Cực Lạc]? Cho tới lúc ấy, quý vị sẽ thấy A Di Đà Phật ở khắp mọi nơi, hết thảy y báo và chánh báo đều là A Di Đà Phật, chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật. Quý vị đã thành một vị Phật rất tuyệt diệu, trở thành A Di Đà Phật. Chúng ta học phần Bốn Kinh Thế Tánh tới đây.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba, tức đơn vị thứ ba [trong bộ chú giải này], Nhất Kinh Tông Thụ, tức là [phần giảng về] Tông và Thụ của bộ kinh này. “*Kinh chi sở sùng thượng giả, danh chi vi Tông. Tông giả, yếu dã*” (Điều được kinh đề cao gọi là Tông;

Tông nghĩa là trọng yếu). Chữ Yếu này có ba ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, và tuân theo. “*Toàn kinh chi tông chỉ*” (tông chỉ của cả bộ kinh), Tông là tông chỉ. Câu tiếp theo lại giảng về [ý nghĩa của] tông chỉ: “*Hựu Tông giả, tu hành chi yếu kính dã*” (lại nữa, Tông là đường lối trọng yếu trong tu hành), đó là đường lối quan trọng. Chúng ta nói tới tông chỉ của một bộ kinh thì đó nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, đó là Tông. “*Có tri Tông giả, vi toàn kinh chi cương lĩnh. Cương cử, mục trương, lãnh đề, y thuận. Thị cố u Biện Thể hậu, thủ ưng Minh Tông. Thể thị Lý, tông thị Hành*” (Vì thế, phải biết Tông là cương lĩnh của cả bản kinh. Cái lưới giơ lên, mắt lưới căng ra, nắm cổ áo, áo sẽ xuôi theo. Vì thế, sau phân biện định Thể, trước hết phải giảng rõ Tông. Thể là Lý, Tông là Hành). Ý nghĩa của hai khoa lớn này đều được nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần trước là Biện Thể, tức phân biệt, biện định bản thể của kinh. Kinh Thể là căn cứ lý luận: Bộ kinh này căn cứ trên lý luận nào để giảng, giảng về điều gì? Trong phần trước, chúng ta đã học, kinh này nương vào Thật Tướng, tức chân tướng sự thật. Kinh nói những gì? Cũng là nói về Thật Tướng. Nay chúng ta bàn cách tu, cách học tập ra sao; vì thế, nói đến Hành, tức Hành môn. “*Thể giả, nãi Tông sở y chi Thể. Tông giả, tức thị hiển Thể chi Tông. Nhị giả hỗ tương biểu lý. Tông thị hội Thể chi yếu hạnh, cố ưng sùng thượng*” (Thể là cái Thể để Tông nương vào; Tông là cái Tông nhằm hiển lộ Thể. Hai thứ này lần lượt làm trong và ngoài của nhau. Tông là hạnh trọng yếu để thấu hiểu Tông, cho nên cần phải đề cao). Mấy câu này nói rất hay. Thể là chỗ nương vào của Tông, tức là chỗ nương tựa, căn cứ của việc tu hành, đấy là Thể. Tông: Tông là hạnh, là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu hành, sự tu hành ấy có thể hiển lộ Thể, có thể hiển thị Thật Tướng trong hành vi sinh hoạt của quý vị. “*Hiển thị*” là nói tới điều gì? Trí huệ chân thật (Chân Thật Huệ), Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi Ích. Nếu quý vị chẳng tu hành, ba thứ chân thật ấy sẽ chẳng thể hiển lộ. Có thể thấy người thật sự tu học Tịnh Tông, quý vị chú tâm quan sát, sẽ thấy tư tưởng, lời nói và việc làm của người ấy chắc chắn tương ứng với ba câu ấy, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, dần dần nâng cao lên, dần dần mở rộng, lợi ích thù thắng ấy tìm ở đâu ra? Do vậy, Lý Thể chẳng thể rời khỏi sự tướng, rời khỏi sự tướng sẽ biến thành huyền học. Sự tướng mà không có Lý thì sự tướng sẽ trái nghịch tự tánh; nếu chẳng tùy thuận tự tánh sẽ là trái nghịch tự tánh. Vì thế, hai thứ ấy (Lý và Sự) làm trong và ngoài cho nhau: Ngoài là Sự, trong là Thật Tướng. “*Hội Thể chi yếu*” (Điều quan trọng để thấu hiểu Thể), hiển Thể, như vừa mới nói, đây là một phương tiện trọng yếu, cho nên phải tuân theo, phải đề cao.

Nói tới chỗ này, chúng ta hiểu văn hóa truyền thống của Trung Hoa lấy Hiếu làm Thể. Hiếu là gì? Hiếu là Thật Tướng. Quý vị hãy nhìn vào chữ Hiếu của Trung Quốc, sở dĩ văn tự Trung Quốc chẳng thể thay đổi là vì nó là phù hiệu trí huệ, khiến cho quý vị nhìn vào phù hiệu ấy sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Chữ Hiếu (孝) phía trên là Lão (老), phía dưới là Tử (子), hiển thị điều gì? Hiển thị quan hệ luân lý. Phía trên còn có phía trên nữa, đó là tổ tông, quá khứ vô thi (không có khởi đầu); đời tiếp theo còn có đời tiếp theo nữa, vị lai vô chung (không kết thúc). Vô thi vô chung là nhất thể! Do vậy,

người ngoại quốc nói tới “sự cách biệt giữa các thế hệ”, người Hoa không có “sự cách biệt giữa các thế hệ”. Nếu có “sự cách biệt giữa các thế hệ”, sẽ là đại bất hiếu. Quý vị nhìn vào chữ Hiếu ấy, những ý nghĩa được bao hàm trong ấy dường như cũng có ba thứ ý vị. Do vậy, văn hóa Trung Quốc là văn hóa Hiếu, mở rộng ra thành Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Đây là Tông. Chúng ta nói tới Thể, nói tới Tông, lấy “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” làm Thú, tức Thú Hướng (điều để hướng về, đạt đến). Chúng ta nói tới Thể, Tông và Thú của toàn bộ văn hóa Trung Quốc chớ nên hiểu lầm, nó tương ứng với Đại Thừa Phật pháp, quý vị nói xem: Tổ tiên chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai thì họ từ đâu đến? [Điều này được] khẳng định! Thầy Lý nói: “*Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ*”. Nói theo Lý quả thật là hợp lý.

“*Hương Tượng Tâm Kinh Sớ vân: Ngôn chi sở quý viết Tông, Tông chi sở quy viết Thú*” (Bản Tâm Kinh Sớ của ngài Hương Tượng¹ có viết: “Điều được coi trọng trong lời giảng thì gọi là Tông, chỗ quy hướng của Tông gọi là Thú”), đây là giải thích hai chữ Tông và Thú. “Ngôn” là nói tới Giáo, tức ngôn giáo. “Ngôn chi sở quý”: “Quý” là điều trọng yếu nhất trong sự hướng dẫn giáo học, [điều ấy] được gọi là Tông. Tông có nghĩa như vậy. Chỗ quy hướng của Tông, tức là sau đây Tông sẽ trở về đâu, điều đó được gọi là “*thú hướng*”. Do vậy, Tông là nhân, Thú là quả; ở đây nói tới nhân quả, tu nhân chứng quả. Tôi nương theo cái Tông này để tu, tu đến cuối cùng sẽ đạt được gì, cái quả ấy là Thú, “*tu nhân, thú quả*” (tu nhân, hướng đến quả). Tiếp đó, sách viết: “*Khuê Phong đại sư*”, tức là ngài Tông Mật, tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, “*Viên Giác Lược Sớ vân: Thú giả, ý thú, thú hướng. Tức tâm ý thức sở quy thú chi xứ*” (Viên Giác Lược Sớ ghi: “Thú là có nghĩa là hướng đến, tức là chỗ quy hướng của tâm ý thức”), lời giải thích này rất rõ ràng. Thú (趣) là gì? Quy thú (歸趣), [tức là] chỗ quý vị trở về, hướng đến chỗ nào. Chỗ hướng về của tâm ý thức gọi là Thú Hướng. “*Khả tri, Thú giả, quy thú dã. Thị cố, y kinh tông chỉ, minh kỳ sở vi, thức kỳ sở cầu, cứu kỳ sở chí, danh chi vi Thú*” (Có thể biết: Thú là hướng đến, quay về. Vì thế, dựa vào tông chỉ của kinh để tỏ rõ việc được làm, biết điều mong cầu, thấu đạt tột cùng chỗ kinh sẽ đạt tới, thì gọi là Thú). Quý vị chiếu theo nguyên tắc chỉ đạo trong bộ kinh điển này để tu hành, biết đức Phật làm gì [khi giảng bộ kinh này], biết Ngài mong cầu điều gì. Việc Ngài làm là ban bố lợi ích chân thật, do điều này mà chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh, diễn giáo. “*Diễn*” ở đây chẳng phải là “nghiên” trong “nghiên cứu”² mà là biểu diễn. Ngài dạy bằng cách làm ra, biểu diễn, thuyết kinh, diễn giáo, vì sao? Nhằm

1 Theo Hòa Thượng Tịnh Không đã nói trong Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú, tập 19, ngài Hương Tượng chính là Hiền Thủ quốc sư, tác giả bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán.

2 Do chữ Diễn (yǎn) và Nghiên (yán) có cách phát âm tương tự, nhất là chữ “nghiên giáo” (yán jiào: nghiên cứu giáo pháp) được dùng rất phổ biến, nên Hòa Thượng sợ người nghe hiểu lầm Ngài đang nói về “nghiên giáo” thay vì “diễn giáo”.

ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Người ta chưa hiểu rõ [cho nên phải giảng kinh, diễn giáo], sau khi đã thật sự hiểu rõ, cái tâm cung kính đối với Phật giáo sẽ nảy sanh tràn trề, tự nhiên sanh khởi, tuyệt diệu quá! Chúng ta đối với những vị Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh thuyết pháp chẳng có chỗ tốt đẹp gì, các Ngài ban cho chúng ta những điều lợi ích, lại còn ban cho chúng ta lợi ích chân thật. Chúng ta đối với các Ngài chẳng chân thật, nhưng các Ngài đối với chúng ta luôn chân thật. Trong thế gian tìm đâu ra người tốt lành đường ấy? Vậy là quý vị hiểu rõ việc làm của các Ngài. “*Thực kỳ sở cầu*” (biết điều mong cầu): Các Ngài cầu điều gì? Các Ngài mong mỏi quý vị khai ngộ, giúp quý vị phá mê khai ngộ. Sau khi ngộ, thấu đạt điều sẽ đạt tới chính là quý vị sẽ lìa khổ được vui. Kinh Phật dạy người ta như vậy. Vì thế, trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trừ giáo học ra, chẳng có cách nào khác có thể đạt được [mục đích ấy]!

Vào thời cổ ở Trung Quốc, đế vương từ Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, mãi cho đến đời cuối cùng, có đế vương nào chẳng tuân theo giáo huấn của tổ tông? Đời đời truyền nhau, giáo học làm đầu, đều xếp giáo dục vào vị trí thứ nhất. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tiên sĩ Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) nói rất hay: Người Trung Quốc tâm lượng lớn, phước lớn, có thể bao dung văn hóa khác biệt. Phật giáo là văn hóa Ấn Độ, truyền đến Trung Quốc, được Trung Quốc tiếp nhận hoàn toàn, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc, phải có tâm lượng rất lớn. Chẳng bài xích! Hơn nữa, văn hóa nhà Phật từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, quả thật đã nâng cao nền văn hóa vốn có của Trung Quốc trên một mức độ to lớn, vì sao? Dùng kinh Phật để giải thích thì giống như chúng tôi vừa mới nói: Văn hóa truyền thống của Trung Quốc lấy Hiếu làm Thể, Luân Thường, Bát Đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy là Tông, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là Thú. Chúng ta dùng văn hóa Phật giáo để giải thích, nâng cao văn hóa truyền thống của Trung Quốc, bình đẳng với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ trong Phật pháp, làm phong phú văn hóa truyền thống Trung Quốc. Ngày nay nói tới văn hóa truyền thống thì Nho, Thích, Đạo là một nhà, quyết định chẳng tách rời. Nếu quý vị nói chẳng cần Nho, sẽ nói chẳng xuôi, chẳng có cách nào nói cho vẹn toàn được! Đề cương ấy của tổ tông chẳng được trình bày cặn kẽ, Phật giáo truyền đến cõi này, giảng giải cặn kẽ, đem kết hợp với đề cương của tổ tông liền hoàn toàn khít khao, quá khó có! Cổ nhân thông minh hơn con người hiện thời, có trí huệ hơn người hiện thời. Đây là giải thích rành rẽ thế nào là Tông, thế nào là Thú.

Kể đó, chúng ta xét tông chỉ của bộ kinh này: “*Ngụy dịch Vô Lượng Thọ Kinh chi Tông Thú, cổ hữu đa giải, kỳ lệ phi nhất*” (đối với Tông và Thú của bản dịch kinh Vô Lượng Thọ đời Ngụy, xưa kia có nhiều cách giải thích, chẳng phải chỉ có một cách). “*Ngụy dịch*” là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải (Samghavarman), là bản được lưu thông rộng rãi nhất trong năm bản dịch. Nguyên nhân là do chúng ta đọc bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất thuận tiện, so với các bản khác dễ đọc hơn. Lại nữa, lời giảng trong ấy cũng rất viên mãn, rất khó có. Vì thế, có mấy vị cổ đức dùng bản này để chú

giải, như trong bản Gia Tường Sớ (sớ giải kinh Vô Lượng Thọ của ngài Gia Tường Cát Tạng) đã nói: “*Thử kinh Tông Trí phạm hữu nhị lệ, nhất, Di Đà tu nhân, cảm Tịnh Độ quả; nhị giả, khuyến vật (chỉ chúng sanh) tu nhân, vãng sanh bỉ độ*” (Tông Trí của kinh này có hai thứ: Một là Di Đà tu nhân, cảm quả Tịnh Độ. Hai là khuyến vật (chỉ chúng sanh) tu nhân, vãng sanh cõi ấy), đây là lời giảng về Tông Thụ trong Gia Tường Sớ. Ngài nói Tông Thụ có hai trường hợp: Thứ nhất là A Di Đà Phật tu nhân, cảm quả Tịnh Độ; đó là điều được giảng trong kinh. Thế giới Cực Lạc, nói thật ra là do nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu, do bốn mươi tám nguyện thành tựu. Thứ hai là “*khuyến vật*”, “*vật*” là chúng sanh, Ngài chẳng nói “*khuyến nhân*”. Nếu nói là “*khuyến nhân*” thì chỉ có nhân đạo trong mười pháp giới. Nếu “*khuyến vật*” thì hết thấy mười pháp giới đều bao gồm, có phạm vi lớn hơn. Nhân nằm trong Vật, chẳng thể bao gồm Vật, Vật có thể bao gồm Nhân. Do vậy, khuyến hết thấy chúng sanh tu nhân hồng vãng sanh cõi ấy, đây là Thụ. Hết sức rõ rệt, câu trước là tu nhân, câu sau là hướng đến cái quả. Hai tầng: Thứ nhất là Phật Di Đà tu nhân, cảm thế giới Cực Lạc thành tựu viên mãn. Thế giới Cực Lạc quả thật chẳng có mảy may khiếm khuyết, do Tánh Đức viên mãn lưu lộ, công đức trang nghiêm. Thành tựu như thế nào? Do trí huệ; vì thế, trong phần trước đã nói ba thứ trí huệ trọn đủ.

“*Hải Đông Nguyên Hiếu sư*” (sư Nguyên Hiếu ở Hải Đông), Hải Đông được nói ở đây nay là Hàn Quốc. Sư Nguyên Hiếu cũng du học ở Trung Quốc, sau khi trở về Hàn Quốc, là nhất đại cao tăng, tổ sư đại đức của Hàn Quốc. Tôi chưa đọc những tài liệu ấy, nhưng tôi nghĩ, sư Nguyên Hiếu sống vào thời Đường, rất có thể đã thân cận Thiện Đạo đại sư, vị này là một tổ sư của Tịnh Độ Tông. Bản chú giải của Sư có tên là [Vô Lượng Thọ Kinh] Tông Yếu, trong ấy nói như sau: “*Thử kinh chánh dĩ Tịnh Độ nhân quả vi kỳ Tông Thử, nhiếp vật (chỉ chúng sanh) vãng sanh dĩ vi Ý Trí*” (Kinh này lấy nhân quả Tịnh Độ làm Tông Thử, lấy nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh làm Ý Trí). [Cách hiểu] của sư Nguyên Hiếu và ngài Gia Tường hết sức gần gũi, cùng một ý nghĩa, trong ấy cũng có hai tầng ý nghĩa. “*Đàm Loan*”, có người cho rằng Ngài phải là tổ sư Tịnh Độ Tông, nhưng trong các vị tổ sư Tịnh Độ Tông không có tên của Ngài; đối với Tịnh Độ Tông, Ngài có công hiển hết sức to lớn. Ngài nói: “*Dĩ Phật danh hiệu vi kinh Thử*” (dùng danh hiệu của Phật làm Thử của kinh), từ đầu đến cuối chẳng rời danh hiệu, cách nói này cũng có một chút hợp lý: Trong Thử bao gồm cả Tông lẫn Thụ, vì do một câu danh hiệu quý vị có thể vãng sanh. Từ xưa tới nay, người thành tựu do chấp trì danh hiệu rất nhiều, một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, khi vãng sanh, có thể biết trước lúc mất, chẳng đau khổ, không bệnh tật qua đời, bảo người chung quanh: “Phật tới tiếp dẫn”, thật chẳng dễ dàng! Bất luận tu học pháp môn gì cũng chẳng thể sánh bằng! Nhưng mấu chốt của sự thành tựu ấy là ở chỗ tín nguyện, tín nguyện kiên định, nhất định chẳng có nghi hoặc thì sẽ có thể đạt được! Thậm chí chẳng cần phải học tập kinh này, mà cũng chẳng cần phải đọc, một câu Phật hiệu, chắc chắn thành tựu. Niệm một câu Phật hiệu là buông xuống vạn duyên, thành tựu phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn tùy thuộc hành nhân buông xuống được bao nhiêu. Nếu hành nhân thật sự giống như kinh Hoa Nghiêm đã

nói, các chấp trước thế gian và xuất thế gian thấy đều buông xuống, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dur. Nếu người ấy có thể buông phân biệt xuống, hết sức có khả năng sanh vào cõi Thật Báo. Sanh vào cõi Thật Báo thì phải buông khởi tâm động niệm xuống. Có thể buông phân biệt, chấp trước xuống hay chẳng? Có thể, vì khi vãng sanh, Phật quang chiếu gội, nâng cao công phu gấp bội. Lúc lâm chung thấy Phật, Phật lực gia trì; vừa được gia trì, bao nhiêu công phu do quý vị tu sẽ tăng lên gấp bội, nâng cao gấp bội, cho nên sanh vào cõi Thật Báo. Dùng phương pháp gì để tu thành tựu? Một câu Phật hiệu!

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay, trong phần sau cụ Hoàng có trích dẫn [lời nhận định ấy]. Những vị khác, chưa ai nói điều ấy, nhưng Ngẫu Ích đại sư nói: “*Có thể vãng sanh hay không, do có tín nguyện hay không quyết định!*” Thật sự tin tưởng, phát nguyện thiết tha, không một ai chẳng vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, địa vị cao hay thấp do công phu sâu hay cạn quyết định, tức là công phu niệm Phật của quý vị cạn hay sâu. Công phu là gì vậy? Quý vị buông xuống nhiều hay ít. Chúng ta hiểu đạo lý này, vì sao không chịu buông xuống? Không chịu buông xuống sẽ tạo thành chướng ngại rất lớn đối với phẩm vị vãng sanh trong thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị có thể triệt để buông xuống, quả thật có thể vãng sanh trong cõi Thật Báo. Ở đây có một tin tức hết sức trọng yếu mà quý vị chẳng thể không biết: Quý vị tu pháp môn khác, buông phân biệt, chấp trước xuống, chỉ có thể sanh vào Phật pháp giới trong mười pháp giới, hoàn toàn chẳng có cách thoát khỏi mười pháp giới, vì sao? Quý vị chưa đoạn vọng tưởng, nhưng với công phu ấy trong pháp môn Tịnh Tông sẽ quyết định sanh vào cõi Thật Báo, vì sao? Phật tới tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu, công phu được nâng cao gấp đôi, đã nâng lên rồi. Tin tức này trọng yếu lắm! Nhanh lắm! Giống như nói: Khi quý vị đạt tới địa vị Thập Tín, địa vị Đệ Thập Tín, trong chốc lát, Phật sẽ nâng [cảnh giới của quý vị] lên tới Sơ Trụ Bồ Tát, nâng cao trong chốc lát, đây là oai thần của A Di Đà Phật gia trì, là ân huệ, ân đức của A Di Đà Phật. Do vậy, quý vị có thể buông chấp trước xuống, Phật có thể giúp đỡ quý vị, khi vãng sanh chẳng có phân biệt. Không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có, được nâng cao, trong chín phẩm của bốn cõi Tịnh Độ, sẽ được nâng cao với một mức độ rất lớn. Chúng ta chớ nên không hiểu điều này.

“*Thiện Đạo sư vân*” (ngài Thiện Đạo nói), vị này là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Tông chúng ta, Ngài là người đời Đường, “*Niệm Phật tam-muội vi Tông, nhất tâm hồi nguyện vãng sanh Tịnh Độ vi Thê (Thê tự tức chỉ Tông Thú chi Thú)*” (Niệm Phật tam-muội là Tông, một lòng phát nguyện hướng về vãng sanh Tịnh Độ là Thê (chữ Thê ở đây chính là Thú trong Tông Thú)), hãy hiểu rõ lời chú giải này, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa. Cùng một chữ, nhưng Ngài nói về điều gì, điều này rất quan trọng. Chữ Thê [trong lời dạy của ngài Thiện Đạo] chính là Thú trong Tông Thú, tức Thú Hương. Lấy Niệm Phật tam-muội làm tông, có cùng một ý nghĩa với ngài Đàm Loan “*lấy danh hiệu Phật làm Thê của kinh*”. Chữ Thê của ngài [Đàm Loan] có nghĩa là Tông, còn Thiện

Đạo đại sư nói chữ Thễ lại có nghĩa là Thú. Do vậy, chữ giống nhau, nhưng quý vị đọc đoạn văn trước và sau, sẽ biết nó chỉ điều gì. Dùng Niệm Phật tam-muội, tức là như trong bộ kinh này đã nói “*nhất hướng chuyên niệm*”, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm. Phát Bồ Đề tâm là buông xuống, một mực chuyên niệm chính là Niệm Phật tam-muội. Nhất tâm quay về nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là chỗ quy túc. “*Nhật Thích Quán Triệt Hợp Tán vân*” (trong bộ Hợp Tán của sư Thích Quán Triệt người Nhật), tác phẩm chú giải của Sư có tên là Hợp Tán, tức Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán. “*Thử kinh niệm Phật vi Tông, vãng sanh vi Thễ (tức Thú)*”, chữ Thễ này cũng có nghĩa là Thú, cũng theo cách nói ấy. “*Nhất kinh sở tôn chuyên tại niệm Phật, cố dĩ niệm Phật vi chi Tông dã. Tông chi sở thú duy tại vãng sanh, cố dĩ vãng sanh vi kinh Thễ (tức Thú)*” (Điều được kinh tôn trọng là chuyên niệm Phật, nên lấy niệm Phật làm Tông. Tông chỉ nhằm hướng đến vãng sanh, nên lấy vãng sanh làm Thễ (tức Thú) của kinh này). Đây là một đoạn văn trong sách Hợp Tán.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “*Tịnh Tông xưng Vô Lượng Thọ Kinh vi Đại Kinh, A Di Đà Kinh vi Tiểu Kinh. Cái thử nhị kinh căn hữu tường lược chi biệt. Cố Liên Trì Sớ Sao xưng Đại Kinh vi Đại Bản, Tiểu Kinh vi Tiểu Bản, lương dĩ nhị giả thật đồng nhất kinh dã*” (Tịnh Tông gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Kinh, kinh A Di Đà là Tiểu Kinh. Ấy là do hai kinh chỉ khác nhau ở chỗ tường tận hay đại lược. Vì thế, trong bộ Sớ Sao, ngài Liên Trì gọi Đại Kinh là Đại Bản, gọi Tiểu Kinh là Tiểu Bản do hai kinh thật sự là cùng một kinh). Những điều này là kiến thức thông thường trong Tịnh Tông, chúng ta cần phải biết. “*A Di Đà Kinh chi Tông Thú, diệc hữu đa thuyết*” (Tông Thú của kinh A Di Đà cũng có nhiều thuyết). Vì hai kinh là cùng một bộ kinh, Tông Thú [của kinh A Di Đà] có thể dùng để tham khảo [nhằm phán định Tông Thú của kinh Vô Lượng Thọ], cũng đều là cùng một chuyện. Kế đó: “*Tu trạch kỳ tinh yếu giả, như Sớ Sao*” (Ở đây, chọn ra những thuyết tinh yếu, như Sớ Sao), [Sớ Sao] do Liên Trì đại sư soạn, “*y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, dĩ vi Tông Thú*” (y báo, chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, [lấy đó] làm Tông Thú). Y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới không gì chẳng thanh tịnh, đây là Tông; tín nguyện vãng sanh là Thú. Ý nghĩa sâu hơn một tầng, chúng ta là người tu Tịnh Độ, đối với y báo và chánh báo hiện tiền, phải lấy thanh tịnh làm tiêu chuẩn, tương ứng với tựa đề của bản kinh này. Tựa đề kinh đã dạy chúng ta phương pháp tu hành, mà cũng là tông yếu tu hành: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đây là Nhân. Chánh báo của chúng ta, tức thân của chính mình phải thanh tịnh, hoàn cảnh phải thanh tịnh, thanh tịnh hoàn cảnh như thế nào? Thân chúng ta thanh tịnh, hoàn cảnh sẽ thanh tịnh, thân gây ảnh hưởng tới hoàn cảnh. Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, đây là thật chẳng giả, lấy điều này làm Tông Thú. “*Viên Trung Sao vân: Dĩ tín nguyện tịnh nghiệp vi nhất kinh Tông Trí*” (sách Viên Trung Sao viết: “Lấy tín nguyện tịnh nghiệp làm Tông Trí của kinh”). “*Tông Trí*” là Tông Thú, tin sâu, nguyện thiết, chuyên tu Tịnh nghiệp, đây là cương lĩnh chỉ đạo tu học trong Tịnh Tông. “*Di Đà Yếu Giải viết*” (sách Di Đà Yếu Giải nói), đây là bản chú giải của Ngẫu Ích đại sư, “*dĩ tín nguyện trì danh vi Tông*” (lấy tín nguyện trì danh làm Tông).

Tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu, sẽ có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cụ Hoàng đã trích dẫn ba bản chú giải kinh Di Đà, ba bản này quan trọng nhất: Bộ Số Sao của ngài Liên Trì, bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, bộ Viên Trung Sao của pháp sư U Khê. Đại Bản và Tiểu Bản nội dung đã là nhất trí, cho nên Tông Thú cũng chẳng thể là ngoại lệ được!

“*Tổng thượng đại tiểu nhị bản, trung ngoại chư gia sở minh Tông Thú, giai dĩ tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ vi bản. Ư thị, quảng tham chư chi thuyết, cứ bốn kinh chi văn, tiêu minh bốn kinh Tông Thú viết*” (Tổng hợp những thuyết về Tông Thú của Đại Bản và Tiểu Bản do các vị sơ giải trong ngoài nước đã nêu ra, do vậy, tham khảo rộng khắp các thuyết của các vị, dựa trên kinh văn của kinh này, nêu rõ Tông Thú của kinh này là...). Phần sau là kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ. “*Bốn kinh dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông*” (kinh này lấy phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm làm Tông), đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao; “*dĩ viên sanh tứ độ, kính đặng Bất Thoái vi Thú*” (lấy sanh trọn vẹn trong bốn cõi, nhanh chóng chứng Bất Thoái làm Thú), đây là quy thú. Chữ “*viên sanh*” tuyệt lắm! “*Viên*” là viên mãn, đây là chỗ thù thắng của thế giới Cực Lạc, Di Đà trí huệ hồng nguyện viên mãn. Vì sao? Trong nguyện thứ mười chín, đã có nguyện “*phát Bồ Đề tâm*”, trong ấy có kinh văn đề làm căn cứ như vậy, sanh về thế giới Cực Lạc “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Chữ Viên trong từ ngữ “*viên sanh*” của cụ Niệm Tổ xuất phát từ chỗ này. A Duy Việt Trí là Viên, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái thấy đều trọn đủ: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, đã chứng đắc, nhưng chưa thể gọi là Viên. Viên chứng ba món Bất Thoái là địa vị nào? Từ Thất Địa trở lên, địa vị đã nâng lên cao bao nhiêu? Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho tới Thất Địa trong Thập Địa, địa vị đã nâng lên bao nhiêu? Nâng cao hơn ba mươi sáu địa vị!

Pháp môn này được gọi là “pháp khó tin”, nói thật ra là hết sức khó tin. Quý vị nói: “Những vị Bồ Tát bình thường tu đến địa vị này khổ cực lắm, tốn bao nhiêu thời gian mới đạt tới địa vị này, làm sao có thể vừa sanh về thế giới Cực Lạc bèn đạt tới? Đâu có đạo lý này!” Do vậy, đức Phật nói pháp môn Tịnh Tông, “*duy Phật dĩ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo), đối với pháp môn Tịnh Độ, Đẳng Giác Bồ Tát giống như cách một lớp the ngấm trắng. Thời cổ chưa có thủy tinh, dùng “*la sa*” (the lụa), lụa, là, the, đoạn, “*la*” (羅) là loại vải sa rất mịn [để che hay bịt cửa sổ], cách một lớp the để ngấm trắng, còn cách một tầng! Chỉ có thành Phật mới rốt ráo hiểu rõ, mới biết là chuyện ra sao. Bản nguyện và oai thần của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, quý vị tới thế giới Cực Lạc, có thể hưởng thụ tức là được đãi ngộ giống như Thất Địa Bồ Tát, hiện thời nói là “đãi ngộ”, hưởng thụ giống như Thất Địa Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Chẳng phải là hạng Bồ Tát tầm thường! Viên chứng ba thứ Bất Thoái, khó có lắm! Thật chẳng dễ gì tin tưởng được!

Hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tới thế giới Cực Lạc cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chúng ta đọc đoạn kinh văn nói về bốn mươi tám nguyện, trọn chẳng thấy A Di Đà Phật bảo “hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư bị gạt ra ngoài”. Ngài chẳng nói lời này, chẳng có câu ấy, điều đó có nghĩa là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, thế giới Cực Lạc gọi là thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Do vậy, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giải thích chữ A Bệ Bạt Trí trong kinh Di Đà chính là chữ A Duy Việt Trí trong kinh Vô Lượng Thọ. Tiếp theo câu ấy, Ngài nói: [Quý vị đã] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói quý vị là Bồ Tát thì phiền não tập khí chưa đoạn, một phẩm cũng chưa đoạn, vãng sanh trong bậc Hạ là chưa đoạn. Nói quý vị chẳng phải là Bồ Tát, thì quý vị hưởng thụ đái ngộ giống như Thất Địa Bồ Tát. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư bảo: Chẳng thể nói quý vị là phàm phu, cũng chẳng thể nói quý vị là Bồ Tát; mà cũng có thể nói quý vị là Bồ Tát, và cũng có thể nói quý vị là phàm phu. Tới thế giới Cực Lạc, thân phận là như vậy! [Đối với] thân phận trong thế giới Cực Lạc, nếu chính mình thật sự tu đắc A Duy Việt Trí sẽ chẳng cần A Di Đà Phật gia trì nữa, chính quý vị đã đạt tới chuẩn mức sống [của bậc thượng thiện trong cõi Cực Lạc], chẳng cần A Di Đà Phật giúp đỡ, chuyện này vẫn phải mất một khoảng thời gian. Đúng như Quán Kinh đã nói, hạ hạ phẩm vãng sanh phải tu mười hai đại kiếp, đại kiếp ấy là đại kiếp trong nhân gian; nhưng trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng của quý vị là vô lượng thọ, cho nên mười hai đại kiếp bất quá cũng giống như mười hai ngày, rất nhanh, thời gian bên đó và thế giới chúng ta chẳng giống nhau. Vì vậy, đến thế giới Cực Lạc thành tựu đặc biệt dễ dàng. Nếu chúng ta liễu giải chẳng thấu triệt chuyện này, không hiểu rõ lắm, sẽ thường lầm lỡ một đời này, vì sao? Chẳng chuyên tâm tu. Hoàn toàn dồn hết thời gian và tinh lực của chúng ta để tu pháp môn này, sẽ thành tựu rất nhanh. Thật sự phải buông xuống, chẳng buông xuống sẽ chịu thiệt thòi to lớn. Vì thế, kinh do đức Phật nói, Tam Tạng pháp sư phiên dịch, tổ sư đại đức chú giải, [các vị ấy] đều chẳng phải là phàm nhân. Từ chỗ này, ta thấy các vị Phật, Bồ Tát thật sự quan tâm, thật sự chiếu cố những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trong lục đạo, vô lượng vô tận ân huệ! [Thế mà chúng sanh] chẳng biết! Có biết thì mới biết báo ân, tri ân mới có thể báo ân; chẳng biết ân làm sao có thể báo ân? Báo ân bằng cách nào? Y giáo tu hành! Có thể vãng sanh trong một đời này chính là báo ân. Hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Đồng Cư cũng là báo ân Phật, Phật hoan hỷ, chẳng cô phụ Phật, Tổ! Hai chữ Tông Thù nói tới đây!

Phần tiếp theo mới nói tới Tông Thù của bản kinh này, vì chúng ta nói tỉ mỉ. Đoạn thứ nhất “*Giáp, thủ minh Tông*” (Một, trước hết giảng về Tông), trước hết, giảng nguyên tắc chỉ đạo tu hành trong bản kinh này: “*Kinh trung Tam Bối Vãng Sanh phẩm trung, sở hữu thượng trung hạ tam bối vãng sanh chi nhân, mạc bất dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi nhân*” (Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh này, tất cả những người vãng sanh trong ba bậc thượng, trung, hạ, không ai chẳng lấy phát Bồ

Đề tâm, một mực chuyên niệm làm nhân). Đối với câu kinh văn này, trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh có tất cả bốn đoạn, ba đoạn trước là thượng bối, trung bối, hạ bối, trong cuốn Khoa Phán, pháp sư Từ Châu đã gọi đoạn cuối cùng là “nhất tâm tam bối”. Đoạn ấy giảng điều gì? Nói về người tu Đại Thừa, chẳng chuyên tu Tịnh Độ mà tu Đại Thừa. Người tu Đại Thừa, bất luận tu pháp môn nào, lúc lâm chung, đem những gì đã tu học hồi hướng Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều có thể vãng sanh. A Di Đà Phật tâm lượng to lớn, bất luận quý vị tu pháp môn nào, chỉ cần quý vị trọn đủ điều kiện này, thấy đều có thể vãng sanh. Nhưng quý vị phải nhớ điều rất quan trọng là bất luận tu hành pháp môn nào, do vì quý vị thật sự vãng sanh, cuối cùng vẫn là tín nguyện trì danh, vẫn là tới cuối cùng, bất luận tu pháp môn gì, công đức ấy đều giúp quý vị đến thế giới Cực Lạc, tăng cao phẩm vị, tuyệt diệu thay! Quý vị phải có cái tâm Đại Thừa thì mới được.

Đại Thừa là gì? Đại Thừa là tự lợi, lợi tha, đó là Đại Thừa. Chỉ nói tới tự lợi, chẳng nói tới lợi tha, đây là Tiểu Thừa. Đại hay Tiểu Thừa chẳng phải do kinh điển sai biệt, chẳng phải do giáo tướng sai biệt, mà do tâm lượng của chính mình sai biệt. Hiểu rõ ý nghĩa này, chúng ta học tôn giáo khác có được chẳng? Suốt đời học Cơ Đốc Giáo, suốt đời học Y Tư Lan Giáo (Islam, đạo Hồi), khi lâm chung, niệm Phật có thể vãng sanh hay chẳng? Chắc chắn vãng sanh. Người ấy tu công đức đó, nhất định cũng nâng cao phẩm vị, pháp môn này to quá! Trong các thứ giáo học tôn giáo, Tịnh Tông là đa nguyên văn hóa, tôn giáo gì cũng đều bao gồm, từ kinh điển chúng ta có thể thấy điều này. Người đọc kinh Địa Tạng rất nhiều, quý vị xem kinh Địa Tạng, thấy [kinh nói tới] Bà La Môn, đọc thấy chữ “ngoại đạo”, đó là gì? Đó là tôn giáo khác, đức Phật chẳng bài xích. Thuở Phật tại thế, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, đức Phật tuyệt đối chẳng bảo quý vị buông bỏ tôn giáo của chính mình, tu theo Ngài, không hề có! Đối với niềm tin tôn giáo, quý vị vẫn tin tôn giáo của chính mình, vẫn chiếu theo giáo lý của quý vị để tu học, đức Phật giảng cho quý vị trí huệ. Do vậy, thuở ấy, đức Phật giáo học, chẳng phân biệt quốc tịch, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt tôn giáo, bất luận quý vị thuộc bối cảnh văn hóa nào, Ngài đều chẳng phản đối, chỉ cần quý vị tới học đều hoan nghênh, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng giữ lại, Phật dạy theo cách ấy.

Do vậy, những gì mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã phô diễn rộng rãi, người hiện thời gọi là “đa nguyên văn hóa”. Trong tâm mực của Phật, Bồ Tát, tất cả hết thấy chúng sanh, bất đồng tôn giáo cũng thế, mà bất đồng văn hóa [cũng vậy], cũng đều có cùng một Thể với chính mình. Không chỉ quý vị sống trên địa cầu có cùng một Thể với chúng tôi, mà ở trên tinh cầu khác vẫn là một Thể. Trọn khắp pháp giới hư không giới đều là một Thể, lẽ đâu còn có phân biệt? Làm sao có chấp trước? [Phân chia] người của chúng ta, người của bọn họ, đây là gì? Đây là tri kiến phàm phu, là cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi học Phật cũng là tạo nghiệp luân hồi, cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, tâm lượng quá nhỏ, chớ nên không biết. Phàm phu có quan niệm ấy, Phật, Bồ Tát không có, người tu Tịnh Độ cũng phải nên không có. Đó mới là đúng, đây gọi là Bồ Đề tâm. Bồ

Đề tâm là tâm giác ngộ, đến phần sau chúng tôi sẽ giảng cặn kẽ. Thể của Bồ Đề tâm là chân thành tâm, sau khi giác ngộ sẽ có Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Dùng tựa đề kinh [để nói] thì là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. “*Thanh tịnh bình đẳng giác*” là Tự Thụ Dụng, còn Tha Thụ Dụng là dùng tâm gì để đối đãi người khác? Đại từ, đại bi. Từ bi là gì? Tâm chân thành yêu thương đối với người khác. Quý vị không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng phải là một mục chuyên niệm, chẳng phải là tu Tịnh Tông. Mở đầu của Tịnh Tông là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao này!

Kể đó, cụ trích dẫn rất hay: “*Hựu Di Đà đệ thập cửu nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, phụng hành Lục Ba La Mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc. Nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sanh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (Lại nguyện thứ mười chín của Phật Di Đà là: “Nghe danh hiệu ta, phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, phụng hành sáu Ba La Mật, kiên cố chẳng lui sụt, lại đem thiện căn hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta. Nhất tâm niệm ta, ngày đêm chẳng dứt. Khi lâm chung, ta cùng các vị Bồ Tát đến đón trước mặt, trong khoảnh khắc sanh về cõi ta, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ Tát”). Đoạn kinh văn này trọng yếu! Bốn mươi tám nguyện do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta nghe, từng câu từng chữ đều do chính A Di Đà Phật nói. Do vậy, toàn bộ phẩm thứ sáu do A Di Đà Phật nói, còn có thể hư giả ư? Quý vị xem nguyện thứ mười tám: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, đây là Tông; nguyện thứ mười chín là Thú Hương, Tông Thú, sanh về thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong nguyện mười tám, đức Phật cũng nói và cũng được cụ trích dẫn ở đây. Kể đó là: “*Đệ thập bát nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc. Nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác. Duy trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*” (nguyện thứ mười tám là: “Nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta. Thậm chí mười niệm mà chẳng sanh thì chẳng giữ lấy Chánh Giác. Chỉ trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp”). Ở chỗ này, tạo tội Ngũ Nghịch có thể vãng sanh hay không? Có thể vãng sanh, chỉ cần quý vị chẳng hủy báng chánh pháp, quý vị có thể tin, có thể nguyện, đều có thể vãng sanh. Do vậy, câu cuối cùng là trọng yếu nhất, quý vị hủy báng là gì? Chẳng chịu tiếp nhận! Vậy là chẳng có cách nào hết. Chỉ cần quý vị chịu tiếp nhận, không ai chẳng vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, thậm chí mười niệm, đều có thể vãng sanh. Những trường hợp như vậy rất nhiều, thời cổ đã được ghi chép, chúng ta hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện; hiện thời trong số các đồng tu niệm Phật, chúng tôi cũng đã thấy.

Chính mắt tôi thấy một trường hợp là cư sĩ Châu Quảng Đại ở Mỹ. Ông này là người thật thà, là người tốt, suốt đời chẳng tin tôn giáo, chẳng có niềm tin tôn giáo. Ông ta mở một tiệm bánh mì tại Mỹ, bị bệnh ung thư. Tới thời kỳ cuối, bệnh viện từ chối trị liệu, bảo người nhà chở về, ông ta chẳng còn sống được mấy ngày. Khi ấy, người nhà

cũng chẳng tin tôn giáo, nhưng lúc ông ta sắp chết mới đi cầu thần, mong mới có kỳ tích xuất hiện. Ở nơi ấy, nhằm lúc chúng tôi có một hội Phật giáo, tức Hoa Phủ Phật Giáo Hội, tại Washington DC. Họ tìm đến chúng tôi, có các đồng tu đến trợ niệm cho ông ta. Đến nơi đó, thấy tình hình ấy, bảo ông ta: Quả thật là không có cách nào chữa lành được, khuyên dạy ông ta đừng cầu lành bệnh, giảng cho ông ta nghe Tây Phương Cực Lạc thế giới, giảng mạng người vô thường, không nên lưu luyến thế gian này, tới thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế nào, giảng cho ông ta nghe. Sau khi nghe xong, ông ta hết sức vui vẻ, tiếp nhận, bảo vợ, con thơ và con gái trong nhà: “Các người đừng tìm cách chữa trị, đừng cầu ta lành bệnh nữa. Các người hãy cùng niệm Phật giúp ta vãng sanh”. Niệm ba ngày ba đêm, ông ta ra đi, tướng lành hết sức hiếm có, hỏa táng còn có xá-lợi. Đây là nói “lâm chung mười niệm ắt sanh”. Ông ta lúc lâm chung mới tin tưởng, tiếp nhận. Năm sáu người [liên hữu] và thân nhân của ông ta, đại khái là mười mấy người, suốt ba ngày ba đêm thay phiên nhau trợ niệm giúp ông ta bèn thành công. Đây là một trường hợp chính mắt tôi thấy, lúc ra đi an tường, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt, sau khi mất, thân thể mềm mại. Kinh nói chẳng giả, có thể nói là thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ thành tựu. Quả thật chẳng dễ dàng! Vừa nói, ông ta bèn tiếp nhận, hoan hỷ, thật sự làm theo, thật sự được thụ dụng.

Do vậy, tiếp theo [cụ Hoàng] viết: “*Khả kiến đệ thập cửu nguyện trọng tại phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm ngã. Đệ thập bát nguyện trọng tại chí tâm tín nhạo, nhất hướng chuyên niệm. Cố tri phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm thị Di Đà bốn nguyện chi tâm tủy, toàn bộ đại kinh chi tông yếu, vãng sanh tất bị chi chánh nhân, phương tiện độ sanh chi từ hàng, bốn kinh sở sùng, toàn tại ư thử, tu hành yếu kính, duy tư tiếp yếu, cố vi bốn kinh chi tông dã*” (Có thể thấy là nguyện thứ mười chín chú trọng “phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm ta”. Nguyện thứ mười tám chú trọng “chí tâm tin ưa, một mực chuyên niệm”. Vì thế, biết “phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm” là tâm tủy của Di Đà bốn nguyện, là tông yếu của toàn bộ đại kinh, là chánh nhân ắt phải đủ trong vãng sanh, là thuyền Từ để làm phương tiện độ sanh. Điều được kinh đề cao đã hoàn toàn thuộc trong ấy. Đường tu hành trọng yếu, chỉ có con đường nhanh chóng, quan trọng này. Vì thế, đó là Tông của kinh này vậy). Kết luận khéo lắm, hết thảy đều là dựa theo nguyên văn trong kinh. Nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao là “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Nhật Bản có một phái cũng tu Tịnh Tông, nhưng chỉ chú trọng “*nhất hướng chuyên niệm*”, chẳng phát Bồ Đề tâm; vì thế gọi là Bốn Nguyện Niệm Phật. Không được rồi! Đã sơ sót! Chỉ giữ lấy nguyện thứ mười tám, chẳng học nguyện thứ mười chín. Do vậy, có những đồng tu của họ (Tịnh Độ Tông Nhật Bản) tới tìm tôi, tôi nói các vị sai rồi. Họ nói: “Đây cũng là do tổ sư truyền lại”. Tôi nói: “Không sai! Khi tổ sư truyền lại, lúc ấy, mỗi nguyện đều hàm nhiếp viên mãn bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nào cũng như thế, cho nên là đúng. Nếu quý vị chỉ [chú trọng] đơn độc nguyện này, những nguyện khác đều chẳng được bao gồm trong ấy, không được rồi, đó chẳng phải là bốn nguyện của A Di Đà Phật, nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Phát Bồ Đề tâm là trọng yếu. Bồ Đề tâm là giác ngộ, Bồ Đề tâm mới có thể buông

xuống. Không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng buông xuống được. Buông xuống thì nhất hướng chuyên niệm mới có thể thu được hiệu quả, mới chính thức tâm tâm tương ấn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Do vậy, nguyên tắc chỉ đạo này là chính xác. Nhân đã chánh thì đương nhiên quả cũng chánh, quyết định được sanh vào thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.